

#SoKyHieuVanBan

#DiaDiemNgayBanHanh

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kiểm soát ô nhiễm môi trường tại Khu công nghiệp Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ đợt 1 - Năm 2023

Thực hiện kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 07/3/2023 của UBND thành phố Tam Kỳ về thực hiện công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Tam Kỳ - Năm 2023, trong đó có thực hiện Kiểm soát ô nhiễm môi trường tại Khu công nghiệp Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ đợt 1 - Năm 2023. Qua kết quả quan trắc đợt 1 năm 2023 (tháng 9/2023), phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Tam Kỳ báo cáo một số nội dung sau:

1. Mô tả vị trí các điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Tọa độ		Ngày quan trắc	Mô tả điểm quan trắc
			X (m)	Y (m)		
A MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ						
1	Điểm đầu hướng gió của KCN Tam Thăng.	K1	1727522	576851	13/9/2023	Vị trí quan trắc tại khu vực dân cư cách cơ sở gần nhất (Công ty TNHH MTV Fashion Garments) 100m về phía Nam.
2	Điểm cuối hướng gió của KCN Tam Thăng.	K2	1728100	576347	13/9/2023	Vị trí quan trắc tại khu vực dân cư cách cơ sở gần nhất (Công ty TNHH Jay Jay Vina) 200m về phía Tây.
B MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT						
I Mương Tân Thái						
1	- Điểm đầu mương Tân Thái	M4	1728815	577752	13/9/2023	Vị trí lấy mẫu tại đầu mương Tân Thái trước khi tiếp nhận nước thải KCN Tam Thăng và KCN Tam Thăng 2, cách vị trí xả thải KCN Tam Thăng 2 330m về phía thượng lưu.
2	- Điểm cuối mương Tân Thái	M3	1728409	577884	13/9/2023	Vị trí lấy mẫu tại cuối mương Tân Thái sau khi tiếp nhận nước thải KCN Tam Thăng và KCN Tam Thăng 2, cách vị trí xả thải KCN Tam Thăng 2 100m về phía hạ lưu.
II Khe Ba La						
3	Tại cầu khe Ba La	M2	1727848	578581	13/9/2023	Vị trí lấy mẫu trên khe Ba La điểm tiếp nhận nguồn nước mương Tân Thái 150m về phía hạ lưu.
III Sông Đầm						

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Tọa độ		Ngày quan trắc	Mô tả điểm quan trắc
			X (m)	Y (m)		
4	Trên sông Đầm tại điểm tiếp nhận nguồn nước khe Ba La	M1	1726852	578729	13/9/2023	Sông Đầm khu vực xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.
C	MÔI TRƯỜNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT					
1	Giếng nước tại hộ ông Trần Thanh Dương	N1	1728104	576339	13/9/2023	Giếng nước tại hộ ông Trần Thanh Dương, tổ 5, thôn Thái Nam, xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.
2	Giếng nước tại hộ ông Ngô Xuân Hường	N2	1728001	576282	13/9/2023	Giếng nước tại hộ ông Ngô Xuân Hường, tổ 4, thôn Thái Nam, xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.
D	MÔI TRƯỜNG TRẦM TÍCH					
1	Trầm tích lấy trên sông Đầm	TT1	1726921	578564	13/9/2023	Điểm giữa sông đầm thuộc địa phận xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ.
E	NƯỚC THẢI					
1	Nước thải đầu ra của hệ thống XLNT KCN Tam Thăng	NT1	1728377	577475	21/9/2023	Nước thải đầu ra của hệ thống XLNT KCN Tam Thăng (Công ty TNHH Panko).
2	Nước thải đầu ra của hệ thống XLNT KCN Tam Thăng 2	NT2	1728502	577717	21/9/2023	Nước thải đầu ra của hệ thống XLNT KCN Tam Thăng (Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam).

Bản đồ vị trí quan trắc của chương trình như sau:



2. Nhận xét và đánh giá kết quả quan trắc

2.1. Môi trường không khí

Kết quả quan trắc môi trường không khí điểm đầu và cuối hướng gió của KCN Tam Thăng cho thấy các thông số bụi lơ lửng (TSP) và khí độc (CO, NO₂, SO₂, NH₃) đều có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT; cường độ tiếng ồn tại khu vực quan trắc nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

Kết quả quan trắc không khí xung quanh tại khu vực lân cận KCN Tam Thăng:

TT	Thông số	ĐVT	Kết quả		QCVN 05:2023/BTNMT
			K1	K2	
1	Nhiệt độ	⁰ C	32,0	31,9	-
2	Độ ẩm	%	60,7	61,2	-
3	Tốc độ gió	m/s	Tây Nam	Tây Nam	-
4	Hướng gió	-	0,5 – 1,0	0,8 – 1,2	-
5	Tiếng ồn	dBA	67,0	60,7	70⁽¹⁾
6	Bụi lơ lửng	µg/m ³	KPH (<20)	29	300
7	SO ₂	µg/m ³	KPH (<2.000)	KPH (<2.000)	350
8	NO ₂	µg/m ³	4 (<LOQ)	5 (<LOQ)	200
9	CO	µg/m ³	9 (<LOQ)	16	30.000
10	NH ₃	µg/m ³	9,4 (<LOQ)	20,9	200

Ghi chú:

- K1: Mẫu khí lấy tại điểm đầu hướng gió KCN Tam Thăng;
- K2: Mẫu khí lấy tại điểm cuối hướng gió KCN Tam Thăng;

- KPH: Không phát hiện.

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, trung bình 1 giờ.

- ⁽¹⁾: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn.

2.2.Môi trường nước mặt

Kết quả quan trắc nước mặt tại 04 điểm quan trắc trên mương Tân Thái, khe Ba La và sông Đầm có 12/17 thông số đạt yêu cầu của QCVN 08:2023/BTNMT, có 05/17 thông số không đạt yêu cầu của QCVN 08:2023/BTNMT, cụ thể như sau:

- **Đối với các thông số bảo vệ môi trường sống dưới nước** (06 thông số), trong đó, có 03/06 thông số vượt giới hạn cho phép của quy chuẩn tại các điểm quan trắc, cụ thể như sau:

+ 02 điểm quan trắc: tại đầu mương Tân Thái (M4) và cuối mương Tân Thái (M3) đều bị ô nhiễm 02/06 thông số là các chất hữu cơ (BOD₅, COD), trong đó BOD₅ vượt giới hạn cho phép từ 1,8 – 1,9 lần, COD vượt từ 1,3 – 1,4 lần.

+ 02 điểm quan trắc: trên sông Đầm (M1) và khe Ba La (M2) bị ô nhiễm 03/06 thông số (gồm: BOD₅, COD, Coliform) vượt giới hạn cho phép từ 2,7 – 2,8 lần (đối với BOD₅), vượt 2,1 lần (đối với COD) và vượt 4,8 lần giới hạn cho phép (đối với chỉ số Coliform).

Các thông số hữu cơ BOD₅, COD và Coliform đã có dấu hiệu ô nhiễm từ khu vực thượng nguồn mương Tân Thái từ các nguồn ô nhiễm khó xác định. Giá trị các thông số này gia tăng tại khu vực khe Ba La và sông Đầm do tiếp nhận nước thải từ KCN Tam Thăng, khu vực dân cư, hoạt động chăn nuôi gia cầm và các hoạt động nuôi trồng thủy sản trên sông Đầm.

+ 03/06 thông số còn lại như pH, DO, TSS đều nằm trong giới hạn cho phép.

Do đó, nước mặt tại các điểm quan trắc trên tại thời điểm quan trắc không đạt chất lượng để sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp theo phân loại mức B (bảng 2) QCVN 08:2023/BTNMT, cần có biện pháp xử lý phù hợp với từng nhu cầu sử dụng.

- **Đối với các thông số ô nhiễm gây ảnh hưởng tới sức khỏe con người (09 thông số)**, phần lớn các thông số (có 07/09 thông số) đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn riêng 02 thông số Amoni và Fe vượt giới hạn cho phép tại một số điểm quan trắc như sau:

+ Thông số Amoni ở 02/04 điểm quan trắc bị vượt quy chuẩn: tại khe Ba La (M2) và cuối mương Tân Thái (M3) vượt giới hạn cho phép từ 2,2 – 3,3 lần. Thông số Amoni vượt tại khu vực cuối mương Tân Thái và khe Ba La có thể do ảnh hưởng từ nước thải KCN Tam Thăng với lưu lượng xả thải lớn trong khi dòng chảy trên khe, mương này khá nhỏ. Ngoài ra có thể ảnh hưởng từ hoạt động của dân cư gần khu vực dọc khe Ba La.

+ Thông số kim loại Fe vượt giới hạn cho phép tại 03/04 điểm (gồm: đầu mương Tân Thái (M4), khe Ba La (M2) và sông Đầm (M1)) dao động từ 1,3 – 2,3 lần. Thông số Fe đặc trưng cho nước mặt khu vực đã vượt quy chuẩn từ khu vực đầu mương Tân Thái, giảm hàm lượng tại khu vực cuối mương Tân Thái và khe

Ba La nhờ được pha loãng. Trên sông Đầm do nguồn nước ít lưu thông nên tích tụ nhiều phù sa, bùn đất nên hàm lượng Fe cao hơn.

Nước mặt tại các điểm quan trắc trên tại thời điểm quan trắc không đạt chất lượng theo quy định tại bảng 1 của QCVN 08:2023/BTNMT do đó nước mặt có khả năng gây tổn hại đến sức khỏe khi nước mặt được con người trực tiếp sử dụng (không qua xử lý) cho các mục đích khác nhau như ăn uống trực tiếp hoặc đun nấu thông thường,...

Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt như sau:

STT	Thông số	ĐVT	Kết quả				QCVN 08:2023/ BTNMT (Bảng 1)	Mức phân loại chất lượng nước (Bảng 2-Mức B)
			M1	M2	M3	M4		
1	pH	-	7,2	7,5	7,1	7,2	-	6,0 – 8,5
2	DO	mg/l	5,7	5,9	5,6	5,7	-	≥5,0
3	TSS ^(*)	mg/l	26,0	25,0	16,0	17,2	-	≤100
4	BOD ₅	mg/l	16,3	16,7	10,4	11,3	-	≤6
5	COD	mg/l	31,2	32,0	19,2	21,6	-	≤15
6	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/l	0,038 (<LOQ)	0,989	0,660	0,170	0,3	-
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/l	0,257	5,96	7,39	0,110	-	-
8	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/l	0,074	0,469	0,494	0,022 (<LOQ)	-	-
9	Clorua	mg/l	170	241	237	14,2	250	-
10	Tổng xianua	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01	-
11	Fe	mg/l	1,13	0,656	0,338	0,748	0,5	-
12	Pb	mg/l	KPH	0,003 (<LOQ)	KPH	0,003 (<LOQ)	0,02	-
13	Cd	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,005	-
14	Cr ⁶⁺	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01	-
15	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	0,016 (<LOQ)	0,020 (<LOQ)	0,018 (<LOQ)	0,023 (<LOQ)	0,1	-
16	Tổng dầu, mỡ	mg/l	KPH	0,5	0,35	KPH	5,0	-
17	Tổng Coliform	MPN/100ml	24.000	24.000	3.300	490	-	≤5.000

Ghi chú: - QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước mặt. Bảng 1 (Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người); Bảng 2 – Mức B (Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước).

- M1: Mẫu nước lấy trên sông Đầm tại điểm tiếp nhận nguồn nước khe Ba La;
- M2: Mẫu nước trên khe Ba La lấy tại cầu khe Ba La;
- M3: Mẫu nước lấy tại điểm cuối mương Tân Thái;
- M4: Mẫu nước lấy tại điểm đầu mương Tân Thái;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp phân tích;
- KPH: Không phát hiện.
- Dấu (-): Không quy định.

2.3. Môi trường nước dưới đất

Kết quả phân tích chất lượng nước dưới đất tại 02 điểm quan trắc cho thấy tất cả các thông số đều có giá trị rất thấp và nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09:2023/BTNMT. Nước dưới đất không gây tổn hại tới sức khỏe khi được con người trực tiếp sử dụng cho các mục đích khác nhau.

Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước dưới đất:

STT	Thông số	ĐVT	Kết quả		QCVN 09:2023/BTNMT
			N1	N2	
1	pH	-	6,8	6,7	5,8 - 8,5
2	TDS	mg/l	31,1	35,0	1500
3	Độ cứng tổng số	mgCaCO ₃ /l	35,0	43,0	500
4	Chỉ số Permanganat	mg/l	1,76	1,60	4
5	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	9,94 (<LOQ)	11,4 (<LOQ)	250
6	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	0,052 (<LOQ)	KPH (<0,050)	15
7	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	0,064	0,087	1
8	Nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/l	KPH (<0,003)	KPH (<0,003)	1
9	Fe	mg/l	1,08	0,779	5
10	As	mg/l	0,0056	0,0088	0,05
11	E.coli	MPN/100ml	KPH (<2)	KPH (<2)	KPH
12	Coliform	MPN/100ml	KPH (<2)	KPH (<2)	3

Ghi chú:

- QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước dưới đất.
- N1: Mẫu nước giếng lấy tại hộ ông Trần Thanh Dương, tổ 5, thôn Thái Nam, xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ;
- N2: Mẫu nước giếng lấy tại hộ bà Ngô Xuân Hương, thôn Thái Nam, xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp phân tích;
- KPH: Không phát hiện.

2.4. Môi trường trầm tích

Kết quả quan trắc trầm tích tại điểm giữa sông Đầm cho thấy hàm lượng các kim loại nặng đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 43:2017/BTNMT.

Kết quả phân tích môi trường trầm tích:

STT	Thông số	ĐVT	Kết quả	QCVN 43:2017/BTNMT
1	Cd	mg/kg khô	1,20	4,2
2	Pb	mg/kg khô	32,9	112
3	Hg	mg/kg khô	0,080	0,7
4	Tổng Cr	mg/kg khô	22,7	160

Ghi chú:

- QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trầm tích.
- KPH: Không phát hiện.

2.5. Môi trường nước thải

Kết quả quan trắc nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của KCN Tam Thăng thuộc quản lý của công ty TNHH MTV Panko (NT1) và nước thải đầu

ra hệ thống xử lý nước thải của KCN Tam Thăng 2 thuộc quản lý của công ty Cổ phần Capella Quảng Nam (NT2) cho thấy:

- Mẫu nước thải NT1 hầu hết các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A – Kq=0,6; Kf=0,9), riêng thông số tổng Nitơ và tổng Photpho vượt nhẹ từ 1,1 – 1,2 lần. Do đó, hoạt động xả thải của KCN Tam Thăng tại thời điểm quan trắc có nguy cơ tác động xấu đến chất lượng nước mặt của nguồn tiếp nhận.

- Mẫu nước thải NT2 có chất lượng tốt, tất cả các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A – Kq=0,9; Kf=1). Nước thải đầu ra của KCN Tam Thăng 2 tại thời điểm quan trắc đảm bảo chất lượng theo quy chuẩn quy định khi xả thải ra môi trường.

Kết quả phân tích nước thải đầu ra hệ thống XLNT KCN Tam Thăng:

STT	Thông số	ĐVT	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A – Kq=0,6; Kf=0,9)
			NT1	
1	Nhiệt độ	0C	29,7	40
2	pH	-	6,8	6 – 9
3	Độ màu	Pt/Co	8,42	27^(*)
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	12,0	27
5	BOD ₅	mg/l	10,3	16,2
6	COD	mg/l	20,0	40,5
7	Asen (As)	mg/l	0,0015	0,027
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (<0,0003)	0,003
9	Chì (Pb)	mg/l	KPH (<0,003)	0,054
10	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (<0,0004)	0,027
11	Cr ⁶⁺	mg/l	KPH (<0,005)	0,027
12	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (<0,015)	1,08
13	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (<0,015)	1,62
14	Niken (Ni)	mg/l	0,023 (<LOQ)	0,108
15	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (<0,015)	0,27
16	Sắt (Fe)	mg/l	0,139	0,54
17	Tổng Xianua	mg/l	KPH (<0,002)	0,038
18	Tổng Phenol	mg/l	KPH (<0,030)	0,054
19	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (<0,3)	2,7
20	Sunfua	mg/l	KPH (<0,020)	0,108
21	Florua (F ⁻)	mg/l	KPH (<0,050)	2,7
22	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/l	2,11	2,7
23	Tổng N	mg/l	13,2	10,8
24	Tổng P	mg/l	2,20	2,16
25	Clo dư	mg/l	0,3	0,54
26	Coliform	MPN/100ml	KPH (<2)	3.000

Kết quả phân tích nước thải đầu ra hệ thống XLNT KCN Tam Thăng 2:

STT	Thông số	ĐVT	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A – Kq=0,9; Kf=1)
			NT2	
1	Nhiệt độ	0C	29,3	40
2	pH	-	6,8	6 – 9
3	Độ màu	Pt/Co	12,5	50
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	11,0	45
5	BOD ₅	mg/l	14,2	27
6	COD	mg/l	28,0	67,5
7	Asen (As)	mg/l	KPH (<0,0005)	0,045
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (<0,0003)	0,0045
9	Chì (Pb)	mg/l	0,003 (<LOQ)	0,09
10	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (<0,0004)	0,045
11	Cr ⁶⁺	mg/l	KPH (<0,005)	0,045
12	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (<0,015)	1,8
13	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (<0,015)	2,7
14	Niken (Ni)	mg/l	KPH (<0,020)	0,18
15	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (<0,015)	0,45
16	Sắt (Fe)	mg/l	0,175	0,9
17	Tổng Xianua	mg/l	KPH (<0,002)	0,063
18	Tổng Phenol	mg/l	KPH (<0,030)	0,09
19	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (<0,3)	4,5
20	Sunfua	mg/l	KPH (<0,020)	0,18
21	Florua (F ⁻)	mg/l	0,124 (<LOQ)	4,5
22	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/l	0,051	4,5
23	Tổng N	mg/l	15,7	18
24	Tổng P	mg/l	0,014 (<LOQ)	3,6
25	Clo dư	mg/l	KPH (<0,25)	0,9
26	Coliform	MPN/100ml	330	3.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước thải công nghiệp.

- (*): Áp dụng theo QCVN 13-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp dệt, nhuộm, cột A với hệ số K_q = 0,6; K_f = 0,9;

- NT1: Mẫu nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH MTV Panko (KCN Tam Thăng);

- NT2: Mẫu nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải của Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam (KCN Tam Thăng 2);

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp phân tích;

- KPH: Không phát hiện.

3. Kiến nghị, giải pháp:

- Tiếp tục triển khai tốt chương trình kiểm soát ô nhiễm môi trường tại KCN Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ thường xuyên, liên tục, tạo cơ sở dữ liệu quan trắc xuyên suốt, từ đó tạo cơ sở khoa học để nghiên cứu, đánh giá và theo dõi diễn biến của các thành phần môi trường giúp dự đoán và ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm môi trường tại các KCN và khu vực xung quanh.

- Đối với môi trường nước mặt tại mương Tân Thái, khe Ba La và sông Đầm tiếp tục tăng cường kiểm soát chất lượng nước thải đầu ra của KCN Tam Thăng, KCN Tam Thăng 2 và các nguồn thải khác. Đồng thời, kết quả quan trắc nước mặt tại sông Đầm cho thấy có 04/17 thông số vượt quy chuẩn QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Do đó, nguồn nước tại sông Đầm không còn khả năng tiếp nhận nước thải từ các nguồn khác nhau. Kính đề nghị UBND thành phố Tam Kỳ tiếp tục kiến nghị UBND tỉnh Quảng Nam sớm triển khai xây dựng hệ thống kênh cắt chuyển dòng nguồn nước thải vào sông Đầm để giảm ảnh hưởng của nước thải đến chất lượng nguồn nước mặt sông Đầm nhằm phục vụ cho mục đích du lịch sinh thái trên sông Đầm.

- Đối với nước thải của KCN Tam Thăng, kính đề nghị UBND thành phố Tam Kỳ yêu cầu đơn vị quản lý, vận hành hệ thống XLNT có biện pháp khắc phục đảm bảo nước thải đầu ra đạt yêu cầu theo quy chuẩn quy định trước khi xả thải ra môi trường, tránh ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Kính đề nghị UBND thành phố Tam Kỳ giao phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, UBND xã Tam Thăng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường đến toàn dân, tăng cường công tác giám sát, nắm bắt thông tin trong dân để phát hiện và cảnh báo kịp thời các vấn đề về môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của KCN Tam Thăng.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Tam Kỳ - Năm 2023 của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Tam Kỳ, kính đề nghị UBND thành phố xem xét chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT tỉnh Quảng Nam;
- UBND thành phố;
- UBND xã Tam Thăng;
- Công ty TNHH MTV Panko Tam Thăng;
- Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**